TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Toàn

2. Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Lan Chi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: ấp Hưng Bình A, xã T, huyện G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Trần Hữu Đ, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: ấp Giồng Lực, xã T, huyện G, tỉnh B.

(Tại phiên tòa, chị D và anh Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hữu Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, sau đó có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2020 tại UBND xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ không chăm lo cho gia đình. Gia đình hai bên cũng có hoà giải, khuyên can nhưng không có kết quả. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do xác định vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung là Trần Ngọc Vy, sinh ngày 02/01/2021, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên toà anh Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị D trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, anh là người có lỗi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, tuy nhiên anh cũng đã cố gắng hàn gắn gia đình để cùng lo cho con nhưng không có kết quả. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh không đồng ý, anh muốn hoà giải để gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung chung như chị D trình bày, hiện đang sống bên gia đình chị D. Trường hợp ly hôn thì anh đồng ý để để chị D tiếp tục nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu nhưng anh sẽ cùng lo cho con chung trong khả năng của anh.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nên không thực hiện đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

2. Về nội dung:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Hữu Đ.

Về con chung: giao cháu Trần Ngọc Vy, sinh ngày 02/01/2021 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, ghi nhận chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D, anh Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Hữu Đ chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2020 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị D cho rằng trong cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không cùng chị chăm lo cho con chung, không chí thú làm ăn. Anh Đ thì cho rằng vợ chồng chung sống cũng có những mâu thuẫn nhưng anh cũng đã cố gắng sửa đổi nhưng vợ anh không đồng ý hàn gắn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".

Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh Đ đều thừa nhận thời điểm anh, chị còn chung sống thì giữa hai bên đã xảy ra những mâu thuẫn. Tuy nhiên, cả chị D và anh Đ đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc khác, chị D và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Từ khi sống ly thân, anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ, như chồng. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị D và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của chị D là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin đoàn tụ của anh Đ, xét thấy: anh Đ cho rằng anh còn thương chị D nên anh muốn vợ chồng đoàn tụ; chị D cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Thực tế chị D và anh Đ không còn sống chung và chăm sóc, lo lắng với nhau như vợ chồng. Anh Đ cũng không có biện pháp để đoàn tụ, hàn gắn được với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Đ.

[2] *Về con chung:* Chị D và anh Đ có một con chung là Trần Ngọc Vy, sinh ngày 02/01/2021. Chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: từ khi chị D và anh Đ sống ly thân cho đến nay, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị D vẫn đảm bảo tốt quyền và lợi ích của con. Anh Đ cũng đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Do đó, giao cháu Ngọc Vy cho chị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tuy nhiên, chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị D, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Hữu Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Hữu Đ.

2. *Về con chung:* Ghi nhận chị Nguyễn Thị D và anh Trần Hữu Đ có 01 con chung là Trần Ngọc Vy, sinh ngày 02/01/2021.

Giao con chung là cháu Ngọc Vy cho chị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc Vy đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* chị Nguyễn Thị D và anh Trần Hữu Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007728 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; chị D đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lợi Thạnh;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cảnh **Phạm Quốc Toàn** **Lê Thị Hồng Đang**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Te **Huỳnh Đức Tâm** **Lê Thị Hồng Đang**